

TỔNG KẾT ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỞNG NÔNG NGHIỆP
VÙNG ĐÔNG XUÂN 1982 - 1983

Hoàng Thủ Nhung
Viện KTTV

Dịc-hiệu điểm nỗi bật của vụ đông xuân năm 1982 - 1983 là rét sớm, rét đậm và kéo dài; cuối vụ ít mưa trời nắng nóng, hạn c-hiểm nơi.

Tuy vậy, điều kiện khí tượng nông nghiệp giữa vụ và sau khi lúa trổ khai thuần lợi đã góp phần làm cho lúa đông xuân vụ này có năng suất cao. Riêng rau, mèo, cây công nghiệp, do ảnh hưởng của rét, hạn nên năng suất thu hoạch kém không bằng những vụ trước.

Phần I

TÓM TẮT ĐÁO ĐIỂM THỜI TIẾP

1. Rét sớm, rét đậm và kéo dài, cuối vụ gió khô nóng hoạt động mạnh, trời nóng gay gắt

Trong vụ đông xuân năm 1982 - 1983 có 22 đợt gió mùa đông bắc tràn về. Tuy chỉ nhiều hơn trung bình nhiều năm (TBNN) 2 đợt nhưng cường độ mạnh. Ngay từ đầu vụ nhiệt độ giảm thấp đợt ngọt, trời rét.

Bảng 1.

Số đợt gió mùa đông bắc tràn qua Hà Nội
từ tháng XI/1982-V/1983.

Tháng, năm	XI 1982	XII 1982	I 1983	II 1983	III 1983	IV 1983	V 1983
1982-1983	5	4	4	3	3	2	4
Trung bình	1	1	1	1	1	1	1
nhiều năm	3	3	3	3	3	3	3

Ở Bắc bộ tháng XI trời vẫn còn ấm, nhiệt độ trung bình tháng hầu hết các nơi còn trên 20°C và cao hơn TBNN 1 - 2°C , tháng XII nhiệt độ giảm xuống 15 - 17°C ; thấp hơn TBNN 1,5 - $2,5^{\circ}\text{C}$. Từ tháng I - III nhiệt độ trung bình tháng đều thấp so với TBNN 1 - 2°C và đến tháng IV nhiệt độ mới xấp xỉ TBNN.

Ở Nam bộ từ tháng XI - tháng III nhiệt độ trung bình tháng đều ổn định $24-26^{\circ}\text{C}$, các tháng khác $26-29^{\circ}\text{C}$. Nhìn chung nhiệt độ trung bình các tháng đều cao hơn TBNN 1 - 2°C .

Nhiệt độ thấp nhất của các tháng mùa đông ở nhiều nơi thuộc Bắc bộ $4-7^{\circ}\text{C}$, miền

núi 1 - 3°C (Sapa -2,8°C); một số nơi thuộc vùng núi cao có băng giá và sương muối.

Mặc dù nhiệt độ trung bình các tháng mùa đông trong vụ này vẫn còn cao hơn nhiệt độ trung bình tháng của những năm rét nhất đã quan sát được, nhưng vì có nhiều ngày rét đậm, nên ảnh hưởng của rét khá nặng.

Bảng 2 :

Nhiệt độ không khí thấp nhất tuyệt đối
vụ đông xuân 1982 - 1983 (°C).

Địa điểm	Tháng	XII	XII	I	I	II	III	IV	V	VI
	1982	1982	1983	1983	1983	1983	1983	1983	1983	1983
Lai Châu	13,4	6,2	6,1	10,9	12,5	16,4	18,6	22,1		
Tuyên Quang	13,2	3,1	5,6	11,9	11,8	17,1	19,0	22,8		
Thái Nguyên	13,8	4,2	4,5	10,5	11,2	16,9	17,1	23,4		
Lạng Sơn	10,7	1,2	0,9	7,2	8,7	14,6	14,7	20,5		
Bắc Giang	13,8	3,4	4,9	10,4	10,7	16,9	17,0	23,4		
Hà Nội	16,3	7,0	7,0	11,0	11,4	17,1	18,1	22,0		
Nam Định	14,4	8,3	6,5	11,4	12,9	16,8	18,7	21,6		
Vĩnh Phúc	15,6	8,2	x	13,4	13,2	15,3	20,9	22,4		

Số ngày rét đậm (nhiệt độ trung bình ngày $\leq 15^{\circ}\text{C}$) ở đồng bằng Bắc bộ phô biển
khoảng 45 - 50 ngày, trong đó có 17 - 20 ngày rét hại (nhiệt độ trung bình ngày $\leq 13^{\circ}\text{C}$);
miền núi : 50 - 55 ngày; khu 4 : 9 - 10 ngày.

Bảng 3 :

Bảng so sánh nhiệt độ trung bình các tháng
XII/1982, I, II/1983 với các năm thấp nhất
đã quan sát được.

Địa điểm	Tháng	XII	I	II	Tổng
	Hạng mục	1982	Thấp nhất đã quan sát được (°C)	Thấp nhất đã quan sát được (°C)	Thấp nhất đã quan sát được (°C)
Lạng Sơn	11,8	11,2 (1973)	11,4	9,1 (1977)	12,9
Hà Nội	15,7	15,1 (1975)	14,0	13,1 (1977)	16,4
Nam Định	15,9	14,9 (1975)	14,6	13,4 (1977)	16,2
Phù Lai	15,9	15,0 (1987)	14,4	13,1 (1977)	15,4
					112,0 (1968)
					45
					75

Trong vụ có 3 đợt rét gây tác hại lớn đối với cây trồng là: đợt rét từ 26 - 30/XII/82; 9 - 14/I/83 và 20 - 25/I/83; Mỗi đợt kéo dài 5 - 6 ngày làm cho mía non chết hàng loạt, nhiều loại cây trồng sinh trưởng rất chậm.

Bảng 4:

Số ngày có nhiệt độ trung bình $\leq 15^{\circ}\text{C}$ trong vụ
đông xuân 1982 - 1983.

Trạm	Tháng XII-1982					Tháng I - 1983					Tháng II-1983				
	Đợt dài nhất					Đợt dài nhất					Đợt dài nhất				
	Số	Từ	ngày	đến	ngày	Số	Từ	ngày	đến	ngày	Số	Từ	ngày	đến	
Lạng sơn	22	8	17 - 34	21	9	19	27	13	7	21 - 27					
Hà nội	3	3	26 - 28	12	6	20	25	2	2	21 - 22					
Nam định	7	5	26 - 30	11	6	20	25	2	2	21 - 22					
Vĩnh	1	1	27	8	6	20	25	0	0						

Tổng nhiệt độ cả vụ ở miền Bắc $4300^{\circ} - 4500^{\circ}\text{C}$, so với TBNN 100 - 150°C ; ở miền Nam $5600 - 5800^{\circ}\text{C}$ vượt TBNN 150 - 200°C .

Gió khô nóng hoạt động sớm, vào ngay middle tháng III ở khu vực từ Thanh hóa đến Quảng nam - Đà Nẵng và một số nơi ở Nam bộ. Giữa tháng IV và đầu tháng V gió khô nóng hoạt động mạnh cao ở Bắc bộ và Tây nguyên. Đặc biệt vào thời gian nửa đầu tháng V do ảnh hưởng của gió tây khô nóng kéo dài trong nhiều ngày, nhiệt độ cao nhất ở Bắc bộ $36 - 39^{\circ}\text{C}$, ở Thanh hóa đến Quảng nam - Đà Nẵng nhiều nơi $38 - 41^{\circ}\text{C}$.

3. Mưa phản bội không đều, cuối vụ ít mưa gây hạn ở nhiều nơi

Ở miền Bắc, đầu vụ mưa nhiều nhất là tháng XI, lượng mưa phổ biến 100 - 200 mm vượt TBNN 70 - 100 mm, sau đó và trung Trung bộ mưa 600 - 1000mm, vượt TBNN 20 - 50mm, duy có tháng V hụt 50 - 100mm.

Ở các tỉnh Nam bộ rất ít mưa, từ tháng I đến tháng IV lượng mưa tháng phổ biến dưới 10mm thậm chí trong các tháng II, III, IV nhiều nơi không mưa, ngược lại trong tháng V có nơi mưa rất to như Rạch Giá mưa 515 mm.

Về cuối vụ mưa ít, trong cả nước lượng mưa tháng V hụt so với TBNN 50 - 100mm, do vậy hạn đã xảy ra ở nhiều nơi trên diện rộng.

Tổng lượng mưa cả vụ ở Bắc bộ 400 - 500mm; Trung bộ 1000 - 1200mm; Nam bộ 250 - 300mm. Nhìn chung so với TBNN lượng mưa cả vụ các nơi hụt 200 - 230mm. So với vụ trước Bắc bộ mưa vượt 100 - 200mm, Trung và Nam bộ hụt 100 - 150mm.

Số ngày mưa trong các tháng và đông xuân ở Bắc bộ và Trung bộ 15 - 20 ngày (tháng XII dưới 10 ngày), ở Nam bộ các tháng đầu và cuối vụ 15 - 20 ngày, các tháng khác chỉ có 1 - 3 ngày.

3. Độ ẩm không khí cao

Ở Bắc bộ và Trung bộ trong các tháng XII, V và VI do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc và gió tây khô nóng nên độ ẩm không khí 80 - 85%, thấp hơn TBNN 4 - 6%; các tháng khác, độ ẩm không khí trung bình tháng tiêu dạt 85 - 90%, cao hơn TBNN 3 - 6%. Riêng các tỉnh Nam bộ hầu như cả vụ độ ẩm không khí rất thấp; trừ tháng XI độ ẩm trên

80% còn cao tháng khác dưới 80%.

Độ ẩm không khí thấp nhất phổ biến ở nhiều nơi 40 - 50% vào các thời kỳ cổ thời tiết khô hanh (tháng XII) và gió tây khô nóng (tháng V) ở một số nơi độ ẩm thấp nhất dưới 40%.

4. Nắng nhiều nhưng phân bố không đều

Ở Bắc bộ và bắc Trung bộ đều và cuối vụ nắng nhiều. Trong các tháng XI, XII/1982 mỗi tháng có 100 - 150 giờ nắng, tháng V, VI có 200 - 250 giờ/tháng, các tháng khác dưới 100 giờ. Riêng tháng II nắng rất ít chỉ 20 - 50 giờ.

Nam bộ và nam Trung bộ tháng XI và XII/82 có 200 - 250 giờ/tháng, các tháng khác 250 - 300 giờ/tháng. So với TBNN ở Bắc bộ và bắc Trung bộ số giờ nắng các tháng XI, I, II, IV hút từ 5 - 40 giờ, các tháng khác vượt 20 - 50 giờ. Ở Nam bộ và nam Trung bộ hầu hết các tháng đều vượt 15 - 35 giờ.

Tổng số giờ nắng trong cả vụ ở Bắc bộ 700 - 750 giờ xấp xỉ TBNN; Trung bộ trên 900 giờ; Nam bộ 1700 - 1900 giờ vượt TBNN 160 - 180 giờ. So với vụ trước ở hầu hết các nơi đều có tổng giờ nắng cao hơn 150 - 200 giờ.

Phần II

ẢNH HƯỞNG CỦA THỜI TIẾT ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

I - LÚA CHIÊM XUÂN

1. Đầu vụ mưa nhiều gây khó khăn cho việc làm đất phơi ái.

Bình thường tháng XI ở Bắc bộ là thời kỳ khô hanh, nhưng vụ này ngược lại vẫn còn mưa nhiều, nhất là ở Trung bộ còn mưa to. Do mưa nhiều, độ ẩm cao và thiếu nắng, đồng ruộng lại có nhiều nước đọng trữ vì vậy diện tích được ái bị thu hẹp, chất lượng đất ái kém, nhiều diện tích định để ái đã phải chuyển sang dầm.

2. Rét sớm và kéo dài, ma chiêm xuân gieo và sinh trưởng trong điều kiện KTMN không thuận lợi

Tháng XII của vụ đông xuân năm nay nhiệt độ xuống thấp, nhiệt độ trung bình tháng ở miền núi $11 - 12^{\circ}\text{C}$, đồng bằng Bắc bộ $15 - 17^{\circ}\text{C}$, thấp hơn TBNN $1,5 - 2^{\circ}\text{C}$ và đã có mét số ngày nhiệt độ trung bình dưới 13°C .

Nhiệt độ thấp trong tháng XII có thuận lợi là làm cho ma chiêm gieo sớm được ôn luyện trong giá rét, có sức chống đỡ với sâu bệnh và không bị già ống, nhưng lại không thuận lợi cho sự sinh trưởng của ma trong các đợt ma gieo cuối tháng XI. Ma xuân dài trả sinh trưởng chậm. Những đợt ma gieo cuối tháng XII và trong tháng I gặp rét hại bị teo mầm, không mọc; ma từ 1 - 3 lá bị trăng lá và chết rét hàng loạt, có nơi ma 4 - 5 lá vẫn bị chết rét. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ở đồng bằng Bắc bộ cuối tháng I có khoảng 1,2 vạn hecta ma bị chết rét, nhiều nơi phải phá bỏ, có nơi ma xuân phải gieo đi, gieo lại nhiều lần. Đó là nguyên nhân gây nên tình trạng thiếu ma cây, cây hút diện tích, cây trễ thời vụ ở một số nơi.

Số ma còn lại và gieo lại phát triển chậm. Kết quả quan trắc của các trạm khí tượng nông nghiệp cho thấy :

Số ngày từ gieo - 5 lá của những đợt ma gieo trong tháng XII/1982 là 15-20 ngày và sau 15 - 20 ngày nữa ma có 7 lá.

Những đợt ma gieo trong tháng XII số ngày từ gieo - 5 lá là 40 - 50 ngày và 20-25 ngày sau ma mới có 7 lá.

Độ cao thời kỳ 5 lá : 15 - 20cm; ở thời kỳ 7 lá; 25 - 30cm, trạng thái sinh trưởng cấp 2, cấp 3.

Nhìn chung vụ này ma phát triển chậm, cây thấp, nhô đánh và cay hao.
Các tỉnh phía Nam có điều kiện thời tiết thuận lợi: nhiệt độ cao, nước và ánh sáng đầy đủ nên ma sinh trưởng và phát triển nhanh.

Bảng 5 : Tình hình sinh trưởng và phát triển của ma chiêm xuân 1982 - 1983.

Trạm	Giống	Đợt	Kỳ phát triển 5 lá			Kỳ phát triển 7 lá		
			Ngày	Số	Độ	Trạng thái	Số	Độ
			gieo	ngày	cao	sinh trưởng	ngày	cao
Diện biến	NN5	1	31 - X	20 - XI	20	19	3	6-XIII
		2	10 - XI	30 - XI	20	19	3	14-XII
		3	20 - XI	12 - XII	22	17	4	31-XII
Thái bình	NN8	1	10 - XII	28 - I	49	22	3	36
		2	18 - XII	4 - III	48	13	3	33
		3	6 - I	22 - II	47	13	3	4
Bồ lương	NN8	1	4 - XII	10 - I	37	13	3	27
		2	10 - XII	22 - I	43	15	3	34
		3	22 - XII	31 - I	40	18	3	3
Tuy hòa	IIR-36	1	8 - XII	4 - I	27	22	3	22 - I
		2	13 - XII	20 - I	38	24	3	43
		3	17 - XII	20 - I	34	24	3	33

3. Nhiệt độ thấp kéo dài, lúa cây lâu bén rễ hồi xanh, đe nhánh chậm nhưng để nhiều và gòn.

Từ tháng I đến tháng IV nhiệt độ trung bình tháng đều thấp hơn TBNN 1-2°C, chẳng những thế mà thường tuần tháng III vẫn còn một số ngày rét đậm. Lúa đợi trè ở Bắc bộ phần lớn cay trong tháng II, nhiệt độ còn thấp nên lúa ngừng sinh trưởng lâu, bén rễ chậm, có tình trạng chết đánh và mòn gốc. Một số nơi ở miền núi lúa cây sớm cũng bị chết.

Bang 5 : Tình hình sinh trưởng và phát triển của lúa vụ đông xuân 1982-1983.

Ghi chú: Δ 1982: chênh lệch so với vụ đông xuân 1981 - 1982.

Lúa cây đầu tháng II sang tháng III mới đẻ nhánh số ngày từ bén rễ - đẻ nhánh của lúa vụ này là 30 - 40 ngày, chậm hơn vụ trước 5 - 10 ngày.

Đo điều kiện KTNN trong thời kỳ lúa đẻ rễ (cuối tháng III) thuận lợi (nhiệt độ trung bình tuần 19 - 21°C, mỗi tuần có 30 - 35 giờ nắng và có mưa giông 20 - 40 mm.) nên lúa đẻ nhiều và gọn. Tỷ suất đẻ nhánh phổ biến ở nhiều nơi 150 - 200%, nhiều giống lúa mới đạt tới 250 - 300%.

Lúa chiêm xuân vụ này đẻ khá tập trung, thời gian từ khi lúa bắt đầu đẻ cho đến kết thúc chỉ 20 - 25 ngày.

4. Lúa làm đồng trong điều kiện KTNN rất tốt nhưng khi trổ gặp nhiệt độ cao.

Hạ tuần tháng IV lúa đồng xuôi bắt đầu chuyển sang thời kỳ sinh trưởng sinh dục, đồng non phân hóa nhanh, bông lúa phát triển, trung tuần tháng V lúa đãi trà trổ rộ.

Điều kiện KTNN ở thời kỳ đồng rất thích hợp (nhiệt độ trung bình tuần 24 - 25°C, thấp nhất cũng 17 - 18°C, lại có mưa giông đều khắp 50 - 100 mm, số giờ nắng 20-55 giờ), vì thế lúa bốc mạnh, độ cao và số lá tăng nhanh, cây to, dày súc, đồng lớn nhanh, bông dài, nhiều hạt.

Thời kỳ lúa trổ lá non nhưng do lượng nước dự trữ trên đồng ruộng còn nhiều (tuần 3/IV và tuần 4/V mưa 40 - 45 mm/tuần) và nhờ các biện pháp chống hạn tích nước, đồng bằng Bắc bộ vẫn đủ nước để lúa trổ, trừ một số nơi ruộng cao bị thiếu nước, lúa trổ không thoát, ảnh hưởng đến năng suất vụ này.

Những ngày lúa nở rộ trời trong sáng, khô ráo (độ ẩm không khí trung bình 75 - 85%), nước đủ là điều kiện thuận lợi cho quá trình nở hoa và thu phấn của hoa lúa. Nhưng do trời nắng nóng, nhiệt độ 28 - 29°C làm cho hoa lúa nở quá nhanh, chưa thành thạo về mặt sinh lý nên tỷ lệ hép vụ này hơi cao so với vụ bình thường (15-20%).

5. Lúa vào chín và chín gấp nắng ráo, biên độ nhiệt độ ngày lớn

Lúa đãi trà vào chín từ hạ tuần tháng V đến giữa tháng VI thì chín và thu hoạch rộ. Sau khi lúa trổ, điều kiện KTNN rất thuận lợi, mỗi tuần có mưa 20 - 60mm, nhiệt độ 28 - 29°C, số giờ nắng 50 - 70 giờ, biên độ nhiệt độ ngày khá lớn (6 - 9°C). Thuận lợi cho việc tích lũy vật chất vào hạt làm cho hạt mẩy đều. (xem bảng 7 ở trang sau).

Lúa chín nhanh, việc thu hoạch cũng kịp thời, ít rơi rụng, tân thu gọn và chất lượng sản phẩm tốt.

Vụ đồng xuân 1982 - 83 được mùa lớn, năng suất thu hoạch cao chưa từng thấy và vượt xa những vụ trước. Theo Tổng cục Thống kê, năng suất lúa cỏ nước đạt 30,6 tạ/ha vượt mức kế hoạch 1,1 tạ/ha và tăng hơn vụ đồng xuân 1981 - 82 gần 3 tạ/ha. Miền Bắc đạt 28,8 tạ/ha và xuất hiện nhiều vùng lúa cao sản như: Hà nam ninh 34 tạ/ha, Hải hưng 36,5 tạ/ha, Thái bình 38,5 tạ/ha.

Các tỉnh miền Nam có điều kiện KTNN vụ này thuận lợi hơn miền Bắc; từ duyên hải miền Trung và Tây nguyên bị hạn nặng, năng suất không đạt kế hoạch còn các nơi khác đều vượt kế hoạch. Năng suất lúa ở các tỉnh miền Nam đạt 33,8 tạ/ha. Một số tỉnh năng suất rất cao trên 40 tạ/ha như: Tiền giang, Đồng tháp, Hậu giang, An giang...

Bảng 2. Các yếu tố năng suất lúa vụ đông xuân 1982-1983.

Trại	Giống	Đvt	Ngày nở hoa	Ngày bông	tổng dài bông	Số bông	Số hạt trung bình/bông	Tỷ lệ chín/bông	Khối lượng	
									(%)	(g)
Hải Dương	NHC	1	16 - II	16 - V	23	125	110	15	12	
		1	7 - II	14 - V	23	124	107	17	14	
	IR-205	1	8 - II	26 - V	22	123	105	18	15	
Thái Bình	NN8	1	8 - II	24 - V	22	95	74	21	22	
		2	16 - II	20 - V	24	100	81	19	19	22
		3	26 - II	28 - V	23	96	76	20	22	22
Nam Định	NN8	1	18 - II	20 - V	22	63	58	5	8	22
		2	19 - II	20 - V	22	62	40	22	36	22
		3	24 - II	16 - V	22	69	56	13	19	24

II - RAU MÀU CÂY CÔNG NGHIỆP

Do mưa nhiều trong tháng X và XI/82 làm cho lượng nước trong đất bị dư thừa nhiều, đất sũng nước, việc làm đất gieo trồng cây vụ đông gặp nhiều khó khăn công với trời rét kéo dài nên tiến độ sản xuất vụ đông xuân chậm.

Vào thời kỳ khoai lang phát triển cù rộ nhất thì gặp rét đậm và thiếu nắng kéo dài, có nơi lại bị hạn nặng nên khoai ngừng sinh trưởng, rễ cù ra ít và chống già cỗi. Đầu tháng III trời đi khoai mới hồi phục và ra thêm nhưng lúa rễ cù mới nhưng vì thời gian làm cù ngắn, cuối tháng IV đã thu hoạch nên cù còn non và nhỏ, năng suất thấp.

Diện tích khoai tây không đạt mức kế hoạch. Do trồng muộn, thời kỳ làm cù bị hạn, cù phát triển chậm, nhiều cù nhỏ cho năng suất thấp.

Ngô sớm thời kỳ phun râu cùn gặp rét; ngô muộn ở thời kỳ 3 - 4 là nhiệt độ thấp và thiếu ánh sáng nên cây yếu, phát triển không đều, mập đê thưa. Ngô chính vụ ở đồng bằng Bắc bộ và khu 4 cù bị hạn lúc trổ cờ, phun râu, thu phân. Do đó nhìn chung ngô vụ này xấu, bắp nhỏ, ít hạt, năng suất thu hoạch kém.

Lạc và dỗ, do rét kéo dài gieo không mọc, tỷ lệ này rất thấp, mập đê thưa. Khi trời ấm hẳn lạc ra nhiều hoa và rỗ tia quâ nhưng cuối vụ ít mưa trời nắng nóng, lạc bị hạn làm teo tia quâ. Lỗ lạc xuống dây nhanh gây nén tình trạng chín ép, năng suất thu hoạch kém và chất lượng sản phẩm thấp.

Nhìn chung rau màu, cây công nghiệp vụ này không những hut mức kế hoạch về diện tích mà năng suất thu hoạch cũng thấp hơn những vụ trước.

Phần III

THIỆN TẠI VÀ MỨC ĐỘ TÁC HẠI

1. Mạ xuân bị chết rét do nhiệt độ thấp.

Như đã nêu trên, đầu vụ nhiệt độ thấp gây tác hại đối với mạ xuân nhất là sau các đợt rét hại từ 26-30/XII; từ 9-14/I; 20-25/I mạ xuân ở đồng bằng Bắc bộ gieo không mọc, bị tép mầm. Mạ từ 1-3 lá chết rét hàng loạt, thậm chí mạ có 3-4 lá vẫn bị chết rét, phải gieo đi gieo lại nhiều lần, tốn nhiều công lao động làm mạ và mất một lượng hạt giống khá lớn. Diện tích mạ chết ở đồng bằng Bắc bộ có khoảng 1,2 vạn ha trong đó 1 vạn hecta mạ chết toàn bộ, 0,2 vạn ha chết từng chòm phải gieo lại, gây nên tình trạng thiếu mạ, cây hút diện tích, cây trễ thời vụ. Toàn miền Bắc có khoảng 10 vạn ha cây trễ thời vụ ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch.

2. Hạn cuối vụ lúa trổ bị ảnh hưởng nên tỷ lệ lép cao.

Trong lúc lúa đại trà đang trổ rộ thì ít mưa gây hạn ở một số nơi làm cho 30 vạn hecta lúa bị thiếu nước trong đó 10 vạn hecta bị khô héo, có tinh diện tích bị hạn chiếm 40-45% diện tích lúa cấy.

Ngoài ra còn do ảnh hưởng của gió tây khô nóng làm tăng mức độ của khô hạn, lúa trổ không thoát, bị tráng bông, tỷ lệ lép cao.

3. Sâu bệnh.

Vụ đông xuân này ít sâu bệnh, các loại sâu bệnh đều không nghiêm trọng và thiệt hại do chúng gây ra cũng không đáng kể. Mãi cuối tháng IV đầu tháng V sâu bệnh mới phát triển, có thể do rét đậm nên mầm mống sâu bệnh bị tiêu diệt, thời kỳ sâu bệnh cao nhất cũng chỉ có 11 vạn hecta lúa bị hại nhưng đã được đập tắt và không lan rộng.

KẾT LUẬN

Vụ đông xuân năm 1982 - 1983 mặc dù rét đậm đầu vụ gây tác hại đối với mạ xuân, lúa và nhiều loại cây trồng khác, cuối vụ ít mưa, trời nắng nóng gây hạn hán ở nhiều nơi đúng vào lúc lúa đại trà đang trổ bông - nở hoa rõ làm cho lúa bị lép ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch, nhưng vẫn là một vụ có năng suất cao.

Vụ đông xuân năm nay cả nước được mùa lớn là do nhiều nguyên nhân. Ngoài những nguyên nhân về mặt tổ chức, chỉ đạo, quản lý, biện pháp kỹ thuật nông nghiệp còn thấy nổi bật lên một nguyên nhân quan trọng là điều kiện KTNN thuận lợi trong thời kỳ lúa đẻ nhánh và sau khi lúa trổ bông - nở hoa:

1. Nhờ điều kiện KTNN khi lúa đẻ rất thuận lợi nên lúa đẻ nhánh khỏe, tập trung, tỷ lệ nhánh hữu hiệu cao, sô bông nhiều.

2. Khi lúa làm hạt, điều kiện KTNN cũng rất thuận lợi, nhiệt độ cao, ánh sáng và nước đầy đủ, biến đổi nhiệt độ ngày lớn tạo điều kiện cho lúa chắc hạt, nặng bông và do đó năng suất thu hoạch cao.

Có thể nói rằng trong vụ này nếu không bị hạn thì năng suất lúa còn cao hơn nữa.

3. Riêng đối với mầu sô dể hút diện tích, giảm năng suất một phần cũng do ảnh hưởng của rét và hạn./.